

Số: 332 /BC-TCTCNTP

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2017

8017 DL

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình tài chính của Tổng công ty
Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai 6 tháng đầu năm 2017**

23/8/17

Thực hiện Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước. Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (gọi tắt Tổng công ty) báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình quản lý tài chính đến 30/6/2017 như sau:

A. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ SỞ HỮU

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TY MẸ

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Biểu 02C)

a) Chỉ tiêu sản lượng sản phẩm chủ yếu:

- Sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu đạt 162,2 triệu bao thuốc lá các loại đạt 39,57% kế hoạch năm, tăng 4,1% so cùng kỳ năm 2016.

- Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu đạt 155,27 triệu bao thuốc lá các loại đạt 37,87% kế hoạch năm, tăng 0,72% so cùng kỳ năm 2016.

b) Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Tổng doanh thu 895.213 triệu đồng, bằng 48,38% so với kế hoạch năm và giảm 5,71% so với cùng kỳ năm 2016.

- Lợi nhuận trước thuế 124.742 triệu đồng, (trong đó thu nhập cổ tức nhận được từ việc đầu tư vốn 46.949,2 triệu đồng), lợi nhuận sau thuế 107.185 triệu đồng bằng 32,2% kế hoạch năm và bằng 57,5% so với cùng kỳ năm 2016. Chỉ tiêu lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017 thấp so với kế hoạch và thấp so với cùng kỳ năm trước, do trong 6 tháng đầu năm 2017 Tổng công ty không có hoạt động thoái vốn và trong 6 tháng đầu năm 2016 Tổng công ty đã thoái vốn đầu tư tại công ty Cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc đem lại lợi nhuận 197.020 triệu đồng.

- Tổng số phải nộp ngân sách 584.719 triệu đồng đạt 39,69% so với kế hoạch năm và tăng 24,03% so với cùng kỳ năm 2016, tổng số đã nộp ngân sách 764.331 triệu đồng.

c) Đánh giá chung

- Thuận lợi:

+ Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND Tỉnh và các Sở ban ngành; Tổng công ty đã luôn phấn đấu xây dựng và tích lũy nguồn lực để làm tiền đề vững chắc cho sự phát triển.

+ Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai được hình thành và hoạt động trên nền tảng Công ty mẹ - Công ty con. Điều này tạo ra sự liên kết về vốn, nhân sự và kĩ thuật công nghệ; hình thành nguồn lực vững mạnh trong quá trình hội nhập và cạnh tranh.

+ Công tác sử dụng vốn của Tổng công ty luôn được chú trọng, việc sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm đã đem lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất kinh doanh.

- Khó khăn:

+ Nền kinh tế vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ khi giá cả nguyên phụ liệu có nhiều biến động, các sản phẩm còn phụ thuộc nhiều vào thị trường tiêu thụ, đơn hàng chưa ổn định.

+ Theo đánh giá chung chỉ số tiêu dùng từ đầu năm 2017 đến nay vẫn còn thấp so cùng kỳ năm 2016. Ngành sản xuất thuốc lá đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ cạnh tranh và vãn nạn thuốc lá lậu vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp trong những tháng đầu năm 2017. Thuốc lá nhập lậu giá rẻ không in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh, hàm lượng tar, nicotin cao vượt quy định đã thu hút một bộ phận không nhỏ người tiêu dùng, dẫn đến sản phẩm thuốc lá Tổng công ty tiêu thụ rất khó khăn. Ngoài ra, các nhãn hàng thuốc lá xuất khẩu của Tổng công ty bước đầu ra thị trường thế giới nên tính cạnh tranh chưa cao, lợi nhuận thấp.

2. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

a) Tình hình đầu tư và huy động vốn đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB: (chi tiết biểu 02A kèm theo):

Với tổng số vốn đầu tư đã được phê duyệt là 1.004.425 triệu đồng. Trong đó đã thực hiện giải ngân đến 30/6/2017 là 127.123,7 triệu đồng và giá trị hình thành tài sản 12.772 triệu đồng, nguồn vốn sử dụng là vốn tự có 127.123,7 triệu đồng. Bao gồm:

- Các dự án do UBND tỉnh phê duyệt với tổng số vốn là 794.443 triệu đồng đến 30/6/2017 đã giải ngân được 96.903 triệu đồng chủ yếu là chi phí hỗ trợ, bồi thường đất đai, đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Các dự án do Tổng công ty phê duyệt với tổng số vốn đầu tư là 209.982 triệu đồng được sử dụng từ nguồn vốn tự có của đơn vị.

b) Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp đến 30/6/2017 (Chi tiết Biểu 02B)

- Tổng vốn đầu tư thực tế ra ngoài doanh nghiệp đến 30/6/2017 là 1.399.457 triệu đồng. Trong đó:

+ Đầu tư vào công ty TNHH 1 TV 100% vốn Nhà nước: 359.329 triệu đồng;

- + Đầu tư vào công ty cổ phần có vốn góp trên 50%: 602.492 triệu đồng;
- + Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: 406.088 triệu đồng;
- + Đầu tư dài hạn khác là 31.548 triệu đồng.

Tổng công ty chỉ đầu tư vào ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh chính, không có vốn đầu tư ngoài ngành như ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán...

c) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động

Dư nợ vay đến 30/6/2017 của Tổng công ty là 3.995.179,8 triệu đồng. Đây là các khoản huy động vốn từ các tổ chức tín dụng nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

d) Tình hình công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Tổng nợ phải thu ngắn hạn 285.138,4 triệu đồng, trong đó phải thu khách hàng 136.225,17 triệu đồng. Các khoản công nợ phải thu khó đòi còn tồn đọng của những năm trước đã được Tổng công ty trích lập dự phòng theo đúng quy định để đảm bảo sự lành mạnh hóa về tài chính.

- Tổng công nợ phải trả ngắn hạn 4.298.505,79 triệu đồng, trong đó phải trả người bán là 86.489,6 triệu đồng, dư nợ vay ngắn hạn là 3.995.179,8 triệu đồng. Các khoản nợ phải trả đều nằm trong kế hoạch trả nợ của Tổng công ty.

e) Tình hình trích lập và sử dụng quỹ (chi tiết Biểu 02Đ):

- Quỹ đầu tư phát triển số dư đầu năm 104.555,5 triệu đồng, số dư cuối kỳ là 104.555,5 triệu đồng;

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (không bao gồm quỹ thưởng của viên chức quản lý và quỹ 5 ngày lương) số dư đầu năm 122.835 triệu đồng, tăng 6 triệu đồng, giảm 7.978 triệu đồng, số dư cuối kỳ là 114.862 triệu đồng;

- Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp số dư đầu năm 203.606 triệu đồng, tăng 15.077 triệu đồng, chi trong kỳ 9.336 triệu đồng, số dư cuối kỳ là 209.347 triệu đồng.

3. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật :

- Tổng công ty đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách cho Nhà nước.

- Tổng công ty luôn tuân thủ các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải;

- Đối với người lao động luôn thực hiện đầy đủ chế độ chính sách do Nhà nước quy định, thu nhập bình quân của người lao động được ổn định và tăng lên.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TOÀN TỔ HỢP:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện 06T năm 2017	TH 06T 2017/ KH 2017 (%)
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	Trđ	5.465.000	3.355.575	61%
2	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	Trđ	399.300	224.683.9	56%
3	Tổng số phải nộp NSNN	Trđ	1.741.000	760.166	44%

a) Thuận lợi

- Tổng công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo đặc biệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh và các Sở, ngành trong quá trình phát triển.

- Trong những năm qua, Tổng công ty đã xây dựng và tích lũy được nguồn lực mạnh (về vốn, năng lực thiết bị, trình độ quản lý, năng lực cán bộ...) làm tiền đề cho phát triển năm 2017 và những năm tiếp theo.

- Tập thể Lãnh đạo Tổng công ty luôn đoàn kết, đội ngũ những người lao động gắn bó với đơn vị, luôn tích cực cống hiến trí tuệ và sức lực để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Hội nhập kinh tế mang lại nhiều cơ hội khi các doanh nghiệp nước ngoài mở rộng đầu tư sang Việt Nam, mở ra nhiều tiềm năng có thể khai thác trên nhiều lĩnh vực.

b) Khó khăn:

- Từ khi Việt Nam chính thức gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế WTO, ASEAN, APEC, ASEM và ký kết các hiệp định thương mại tự do thì việc hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng giao lưu mối quan hệ thương mại với các nước, các tổ chức là một cơ hội để đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế phát triển và đây cũng là xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, quá trình hội nhập này cũng đồng thời làm tăng tính cạnh tranh và sự đào thải trong nền kinh tế khi Nhà nước cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan, loại bỏ trợ cấp, mở cửa thị trường cho các doanh nghiệp nước ngoài đẩy mạnh đầu tư.

- Nhìn chung trong 6 tháng đầu năm, nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, giá cả tiếp tục biến động tăng giảm đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của một số ngành.

- Ngành cao su vẫn có những khó khăn nhất định mặc dù thị trường đầu năm đã có những tín hiệu khởi sắc so với các năm trước nhưng đến thời điểm này giá cao su trên thị trường tiếp tục giao dịch trầm lắng và có xu hướng giảm. Ngoài ra, địa bàn cao su phân tán trên nhiều huyện nên công tác quản lý và bảo vệ vườn cây, sản phẩm còn nhiều bất cập, một số lô cao su trên vùng đất xấu bị chết trong mùa nắng nóng, năng suất, sản lượng thấp.

- Ngành sản xuất chăn nuôi lợn đang đối mặt với tình trạng cung vượt cầu trên thị trường do lợi nhuận cao của ngành trong những năm trước nên có nhiều nhà đầu tư cùng tham gia vào lĩnh vực này. Bên cạnh đó, các vấn đề khác như thời tiết, khí hậu, tình hình dịch bệnh, các quy định về môi trường và nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu làm ảnh hưởng rất lớn đến chi phí đầu vào của ngành chăn nuôi.

- Hoạt động thương mại dịch vụ ngày càng trở nên sôi nổi do sự phát triển của xã hội. Khu vực tư nhân ngày càng mở rộng hoạt động trong lĩnh vực này với nhiều hình thức kinh doanh linh hoạt, cách thức chiêu thị liên tục thay đổi và khả năng ứng biến cao với nhu cầu thị trường và sự thay đổi trong chính sách Nhà nước khiến các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực này đối mặt với cạnh tranh cao và gay gắt.

- Giá xăng dầu dao động lên xuống khó lường khiến chi phí tại các đơn vị sản xuất kinh doanh biến động vì đây là nhu cầu thiết yếu.

- Thời tiết, khí hậu thất thường đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành trồng trọt và chăn nuôi trong tổ hợp.

- Tổng công ty đang trong quá trình đẩy mạnh tái cấu trúc, hoạt động của các đơn vị thành viên có nhiều thay đổi.

2. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	30/06/2017	30/06/2016
Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	1,5	1,82
Tổng nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	1,12	0,71
Nợ vay / Vốn chủ sở hữu	0,90	0,48
Hệ số bảo toàn & phát triển vốn	1	1,13

+ Khả năng thanh toán nợ (chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn) của Tổng công ty lớn hơn 1. Tổng công ty có khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn. Đánh giá tình hình khả năng thanh toán nợ là khá tốt.

+ Hằng năm, hệ số bảo toàn và phát triển vốn lớn hơn 1. Trong tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhưng trong 6 tháng đầu năm 2017 Tổng công ty vẫn bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của toàn tổ hợp

- Tổng công ty (Công ty mẹ) và nhóm công ty con là công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước đều đầu tư tập trung vào các lĩnh vực ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, không có đầu tư tài chính vào các lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, quỹ đầu tư.

B. KẾT LUẬN:

Trong 6 tháng đầu năm 2017, mặc dù kinh tế thế giới tiếp tục có những biến động phức tạp, sự phục hồi chậm hơn dự báo, tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, hàng hóa tiêu thụ chậm, giá các nguyên vật liệu đầu vào tăng cao... đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn tổ hợp.

Tình hình tài chính của toàn tổ hợp và Công ty mẹ của Tổng công ty ngày càng vững mạnh, vốn luôn được bảo toàn và phát triển, tỷ suất lợi nhuận đạt được trong nhiều năm luôn ở mức cao đã góp phần đưa Tổng công ty ngày càng phát triển mạnh và bền vững.

Phân loại doanh nghiệp – an toàn về tài chính.

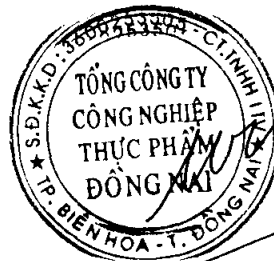
Trên đây là báo cáo giám sát 6 tháng đầu năm 2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty, kính trình UBND tỉnh, Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Chi cục TCDN;
- Thành viên HĐQT;
- TGD và các Phó TGD;
- Kiểm soát viên;
- Các phòng: KHTH, KTNB, TVLK;
- Lưu VT, KTTC.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Kim Long

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

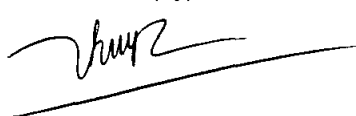
TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 30/6/2017			Giải ngân đến ngày 30/6/2017			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2017	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Các dự án nhóm A																	
B	Các dự án nhóm B		794.443	794.443	4	-	-	-	-	-	-	93.518	3.385	96.903	93.518	3.385	96.903	-

1	Dự án khu du lịch và dân cư Bình Long					-						29.242		29.242	29.242	-	29.242	
2	Dự án 3A Agropark	Giấy chứng nhận đầu tư 47121000295 ngày 28/02/2011	172.400	172.400	100%	-						214	56	270	214	56	270	
3	Dự án 3B Agropark	Giấy chứng nhận đầu tư 47121000404 ngày 26/12/2013	171.013	171.013	100%	-						27.890		27.890	27.890	-	27.890	
4	Dự án 3C Agropark	Giấy chứng nhận đầu tư 47121000407 ngày 04/01/2014	289.113	289.113	100%	-	-					2.296	344	2.640	2.296	344	2.640	
5	Dự án Khu CN cao Thọ Vực		161.917	161.917	100%	-	-					31.551	2.984	34.535	31.551	2.984	34.535	
6	Dự án khu dân cư xã lộ 25			-		-						2.327		2.327	2.327	-	2.327	
C	Các dự án khác		209.982	209.982	100,00	-	-	-	-	-	-	22.385	20.608	30.222	10.212	20.608	30.222	12.772
1	Dự án kho chứa hàng hóa Long Thành			-								1.198		1.198	1.198	-	1.198	
2	Dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng Tổng công ty	142/QĐ-TCTCNTP ngày 10/07/2013	187.466	187.466	100%	-	-					370	1.461	1.831	370	1.461	1.831	
3	Hệ thống lạnh phòng bảo ôn PX Sợi	166/QĐ-TCTCNTP ngày 04/5/2016	1.047	1.047	100%							12	879	-	12	879	-	890
4	Mở rộng phòng bảo ôn PXS	183/QĐ-TCTCNTP ngày 23/5/2016	932	932	100%							606	2	-	606	2	-	608
5	Phòng hút thuốc	203/QĐ-TCTCNTP ngày 02/6/2016	549	549	100%							545	4	-	545	4	-	549
6	Kệ Drive PX Sợi	155/QĐ-TCTCNTP ngày 12/4/2016	945	945	100%							5	827	-	5	827	-	832
7	Tường rào, đường trạm DV KTNN	245/QĐ-TCTCNTP ngày 9/9/2016	585	585	100%								456	-	-	456	-	456
8	Hệ thống lạnh kho Thành phẩm mới	266/QĐ-TCTCNTP ngày 26/9/2016	1.012	1.012	100%								919	-	-	919	-	919

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 30/6/2017			Giải ngân đến ngày 30/6/2017			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2017	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
9	Hệ thống lạnh kho A			-									918	-	-	918	-	918
10	Thiết bị đo độ ẩm và bay hơi sợi thuốc lá			-									1.453	1.453	-	1.453	1.453	
11	Kệ Drive kho NL nhỏ	154/QĐ-TCTCNTP ngày 11/4/2016	1.048	1.048	100%							6	908	-	6	908	-	914
12	Xây kho phụ liệu	355/QĐ-TCTCNTP ngày 9/9/2015	2.800	2.800	100%							2.016	40	-	2.016	40	-	2.056
13	Xây kho thành phẩm	356/QĐ-TCTCNTP ngày 9/9/2015	4.639	4.639	100%							137	4.457	-	137	4.457	-	4.595
14	Dự án trung tâm thương mại (Bihimex)			-								3.491		3.491	3.491	-	3.491	
15	Công viên tượng danh nhân	2612/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	8.096	8.096	100%							8.087		8.087		-	8.087	
16	Tượng Lý Thái Tổ			-								3.906		3.906		-	3.906	
17	Tượng Khổng tử	1313/QĐ-UBND ngày 09/5/2014	865	865	100%							825		825	825	-	825	
18	Sửa chữa nhỏ tại VMTB			-								180		180		-	180	
19	Sửa chữa nhỏ tại VP TCT			-								1.002	8.283	9.249	1.002	8.283	9.249	35
TỔNG			1.004.425	1.004.425		-	-		-			115.903	23.992	127.124	103.730	23.992	127.124	12.772

GHI CHÚ: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp.

Người lập biểu
(Ký)



Nguyễn Thị Bích Thủy

Tổng Giám đốc
(Ký)



Nguyễn Hữu Hiền



BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu			Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty LK	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty LK
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016				
		Kế hoạch	Tại thời điểm 01/01/2017	Tại thời điểm 30/6/2017	Kế hoạch	Tại thời điểm 01/01/2017	Tại thời điểm 30/6/2017											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(15)/(5)	17	18	
I	Công ty con	961.821	941.321	961.821														
1	Công ty Cổ phần Tổng hợp gỗ Tân Mai	32.695	32.695	32.695	70,13%	70,13%	70,13%	46.623	95.306	132.771	151.487	1.225	3.877			1,01	1,37	
2	Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai	28.847	28.847	28.847	84,32%	84,32%	84,32%	102.639	293.835	54.461	74.001	(13.125)	17.040			2,74	0,40	
3	Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	72.108	72.108	72.108	72,11%	72,11%	72,11%	100.000	106.395	151.495	124.748	2.500	1.238			8,46	0,13	
4	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai	31.740	31.740	31.740	78,44%	78,44%	78,44%	40.000	36.672	144.735	65.888	2.086	1.586			3,06	0,38	
5	Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Nai	21.342	21.342	21.342	53,36%	53,36%	53,36%	40.000	44.866	89.247	76.569	3.058	2.576			5,40	0,25	
6	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn	33.101	33.101	33.101	73,56%	73,56%	73,56%	67.500	174.227	75.134	136.919	(13.784)	35.100			4,88	0,15	
7	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	65.888	65.888	65.888	53,62%	53,62%	53,62%	128.324	358.265	722.277	650.477	34.567	32.452			1,42	1,31	
8	Công ty TNHH MTV Thọ Vực	17.829	17.829	17.829	100,00%	100,00%	100,00%	17.829	18.213	4.835	10.100	201	1.072			1,60	0,29	
9	Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp	121.000	121.000	121.000	100,00%	100,00%	100,00%	121.000	127.568	38.091	25.509	6.568	1.461			6,87	0,09	
10	Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển Bàu Long	220.500	200.000	220.500	100,00%	100,00%	100,00%	220.500	240.375	58.140	40.544	12.603	3.662			8,48	0,02	
11	Công ty Cổ phần XD và SX Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	316.770	316.770	316.770	70,39%	70,39%	70,39%	450.000	666.411	508.319	518.143	78.352	75.553			3,00	0,22	
II	Công ty liên kết	406.088	432.236	406.088														
1	Công ty TNHH Quốc tế Bourbon (Big C)	88.331	88.331	88.331	35,00%	35,00%	35,00%	252.374	503.818	490.008	564.778	39.072	47.985			3,80	0,28	
2	Công ty TNHH Bochar Donatours	66.816	66.816	66.816	25,00%	25,00%	25,00%	233.260	234.630	41.460	39.309	1.576	(1.454)			10,22	0,18	
	Công ty Cổ phần Lothamilk		26.148															
3	Công ty Cổ phần phát triển nhà Bình Đa	22.035	22.035	22.035	24,48%	24,48%	24,48%	90.000										
4	Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Nai - VinEco	90.000	90.000	90.000	22,50%	22,50%	22,50%	400.000										
5	Công ty CP Đồng Việt Thành	25.000	25.000	25.000	25,00%	25,00%	25,00%	100.000										
6	Công ty CP chăn nuôi bò và chế biến sữa	9.000	9.000	9.000	36,00%	36,00%	36,00%	25.000										
7	Công ty CP chế biến XNK - NSTP Đồng Nai	89.643	89.643	89.643	39,84%	-	39,84%	225.000										
8	Công ty TNHH TMDV siêu thị Coopmart Biên Hòa	10.263	10.263	10.263	40,00%	40,00%	40,00%	25.656										
9	Công ty CP bóng đá Đồng Nai	5.000	5.000	5.000	25,00%	25,00%	25,00%	20.000										
III	Đầu tư tài chính	31.548	5.400	31.548				x										
1	Công ty cổ phần bệnh viện quốc tế Đồng Nai	5.400	5.400	5.400	4,50%	4,50%	4,43%	122.000										
2	Công ty Cổ phần Lothamilk	26.148		26.148			0,00%	131.000										
	Tổng	1.399.457	1.378.957	1.399.457				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

Ghi chú

Cột "9": Vốn Điều lệ của công ty con, công ty liên kết

Cột "11" và "12": doanh thu của công ty con, công ty liên kết

Cột "15": cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo c

Đánh giá của doanh nghiệp:

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết:

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư đầu tư tài chính năm báo cáo:

Giải pháp của Doanh nghiệp đối với khoản vốn đầu tư tại công ty con, công ty liên kết nếu hiệu quả đầu tư tại công ty này thấp hoặc tiềm ẩn rủi ro tài chính (Thoái vốn, tăng cường giám sát, biện pháp khác):

(Ky)

Chavez

(Ky)

Nguyễn Hữu Hiệu



đóng dấu)

ĐẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

~~WAL~~ Nguyễn Kim Long

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	Thực hiện 6 tháng đầu Năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2017	Thực hiện 6 tháng đầu Năm 2017	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (1.000 gói)	194.914,40	155.869,00	410.000	162.257	83,25%	104,10%	39,57%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu (1.000 gói)	196.828,50	154.152,50	410.000	155.269	78,89%	100,72%	37,87%
3. Tồn kho cuối kỳ (1.000 gói)	5.904,20	11.285,00		11.091	187,85%	98,28%	
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	876.581	639.082	1.527.800	662.001	75,5%	103,6%	
2. Giá vốn hàng bán	684.523	499.480		519.114	75,8%	103,9%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.058	139.602		142.888	74,4%	102,4%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	323.216	308.373	322.537	230.372	71,3%	74,7%	
5. Chi phí tài chính	74.615	48.480		68.934	92,4%	142,2%	
6. Chi phí bán hàng	70.842	53.556		54.492	76,9%	101,7%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	114.988	135.514		123.760	107,6%	91,3%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	254.830	210.426		126.074	49,5%	59,9%	
9. Thu nhập khác	3.468	2.008		2.840	81,9%	141,4%	
10. Chi phí khác	2.070	3.176		4.172	201,5%	131,4%	
11. Lợi nhuận khác	1.397	(1.168)	-	(1.332)	-95,4%	114,1%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	256.227	209.258	370.437	124.742	48,7%	59,6%	33,7%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.173	22.889		17.557	69,7%	76,7%	

Nội dung	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	Thực hiện 6 tháng đầu Năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2017	Thực hiện 6 tháng đầu Năm 2017	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	231.055	186.369	333.146	107.185	46,4%	57,5%	32,2%

GHI CHÚ: Cột (1), (2): Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chi tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước.

Người lập biểu
(Ký)



Nguyễn Thị Bích Thuý

Tổng Giám đốc
(Ký)



Nguyễn Hữu Hiệu

Chủ tịch Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Kim Long

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017*(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)*

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
1. Thuế	(177.309)	584.719	684.331	(276.921)
- Thuế GTGT	(17.793)	74.396	105.967	(49.365)
- Thuế TNDN	(11.482)	17.557	20.000	(13.925)
- Thuế Xuất, nhập khẩu	(37.220)	85.822	53.648	(5.046)
- Thuế đất, thuê đất	(2.474)	2.993	73	446
- Các khoản thuế khác	(108.339)	403.951	504.643	(209.030)
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí				-
- Các khoản phải nộp khác				-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phân lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	14.959		80.000	(65.041)

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017*(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)*

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	104.556	-	-	104.556
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	122.834	6	7.978	114.862
3. Quỹ thưởng VCQLDN	2.115		10	2.105
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	203.606	15.077	9.336	209.347
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng)

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

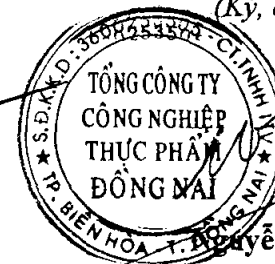
Người lập biểu
(Ký)

Nguyễn Thị Bích Thuý

Tổng Giám đốc
(Ký)

Nguyễn Hữu Hiểu

Chủ tịch Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Kim Long